

Mẫu số 01. Văn bản đề nghị kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải

CƠ SỞ NHẬP KHẨU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI NHẬP KHẨU CHẠY RÀ TRƯỚC KHI THỬ NGHIỆM KHÍ THẢI

Kính gửi: Cơ sở đăng kiểm (mã số)

Căn cứ Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

Cơ sở nhập khẩu:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Người liên hệ: Số điện thoại:

Đề nghị cơ sở đăng kiểm (mã số) kiểm định, cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới do công ty chúng tôi nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải.

Chúng tôi xin gửi kèm văn bản này bản thông số kỹ thuật xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải và bản dịch thuật có chứng thực giấy chứng nhận xuất xưởng của nhà sản xuất chiếc xe này.

Chúng tôi cam kết các thông tin cung cấp là hoàn toàn chính xác, đồng thời cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật để đảm bảo an toàn trong quá trình di chuyển trên đường./.

....., ngày tháng.....năm.....

Cơ sở nhập khẩu

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**BẢN THÔNG SỐ KỸ THUẬT
XE CƠ GIỚI NHẬP KHẨU CHẠY RÀ TRƯỚC KHI THỬ NGHIỆM KHÍ THẢI**

(Kèm theo văn bản đề nghị kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải số ngày...../...../.....)

THÔNG TIN CHUNG

Cơ sở nhập khẩu:	Điện thoại:
Địa chỉ:	
Loại phương tiện:	Mã số VIN:
Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường:	☐
Cho phép tự động hóa:	☐ Một phần / ☐ Toàn phần
Nhãn hiệu/Tên thương mại:	Mã kiểu loại:
Số khung:	Vị trí:
Số động cơ:	Vị trí:
Năm sản xuất:	Nước sản xuất:

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thông số kích thước, khối lượng cơ bản	
Kích thước bao (DxRx C) (mm):	
Kích thước lòng/bao thùng xe/ bao ngoài xi téc (mm):	
Công thức bánh xe:	Vết bánh xe (mm):
Khoảng cách trục (mm):	Số người cho phép chở (ngồi/đứng/nằm): (không bao gồm người lái)
Khối lượng bản thân (kg):	Khối lượng kéo theo thiết kế/cho phép lớn nhất (kg): /
Khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế (kg):	Khối lượng hàng chuyên chở cho phép lớn nhất (kg):
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (kg):	Khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất (kg):
Động cơ đốt trong	
Ký hiệu:	Loại động cơ:
Loại nhiên liệu:	Thể tích làm việc (cm ³):

Xe hybrid: ☐ Có sạc ngoài / ☐ Không có sạc ngoài		Mô men xoắn lớn nhất/Tốc độ quay (N.m/rpm):	
Công suất lớn nhất/Tốc độ quay (kW/rpm):			
Động cơ điện			
Ký hiệu:		Loại động cơ:	
Công suất lớn nhất của động cơ điện (kW):		Loại ắc quy/điện áp-dung lượng (V-kWh):	
Hệ thống truyền lực			
Kiểu ly hợp:		Dẫn động ly hợp:	
Kiểu hộp số chính:	Số cấp tiến:	Có hộp số phụ:	Số cấp tiến:
Trục dẫn hướng:		Trục chủ động:	
Hệ thống lái			
Kiểu cơ cấu lái:		Kiểu dẫn động:	
Hệ thống phanh			
Cơ cấu phanh: (trục 1, trục 2, ...)		Kiểu dẫn động phanh chính:	
Loại phanh đỗ:		Loại phanh hỗ trợ:	
Thông tin các trục			
Kiểu treo	Kiểu giảm chấn	Số lớp	Cỡ lớp
Thiết bị đặc trưng:			
(Mô tả thiết bị đặc trưng nếu có)			

Chúng tôi cam kết bản thông số kỹ thuật này phù hợp với kiểu loại xe cơ giới đã đăng ký và chịu hoàn toàn trách nhiệm về các vấn đề phát sinh liên quan đến bản thông số này.